

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Kim San.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 252/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, nơi cư trú: Tổ dân phố BT, phường BL, quận ĐS, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Đình H1, nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam: Tổ dân phố BT, phường BL, quận ĐS, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: **Đài Loan**. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Hoàng Đình H1 trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có Đk ký kết hôn tại UBND phường BL, quận ĐS, thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 3 năm 2014. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi chung sống, chị và anh H1 có nhiều mâu thuẫn,

không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Sự bất đồng quan điểm ngày càng trở lên nghiêm trọng. Đỉnh điểm đến khoảng tháng 8 năm 2018 chị và anh H1 sống ly thân. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Đến tháng 4 năm 2019, anh H1 đi lao động, làm ăn ở Đài Loan và anh chị không liên lạc với nhau. Anh H1 vẫn liên lạc với người thân trong gia đình anh là bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Tổ dân phố BT, phường BL, quận ĐS, thành phố Hải Phòng (là mẹ đẻ anh H1). Nay, chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là: Hoàng Hải Đăng, sinh ngày 28/7/2015. Hiện tại cháu đang ở với bà nội và anh H1, ly hôn chị đề nghị để cho anh H1 được nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị xin tự giải quyết với anh H1.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, chị N xin tự thỏa thuận với anh H1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Hoàng Đình H1:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho mẹ đẻ của anh H1 là bà Nguyễn Thị H. Tòa án đã 2 lần thông báo cho bà Nguyễn Thị H cung cấp địa chỉ của anh H1 ở Đài Loan và yêu cầu bà H cho biết kết quả về việc bà đã thông báo cho anh H1 để gửi lời khai về Tòa án chưa. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà H thể hiện: Anh H1 vẫn thường xuyên liên lạc với bà nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể anh H1 ở Đài Loan. Ly hôn là việc giữa chị N và anh H1 nên bà không có ý kiến gì. Chị N và anh H1 có một con chung là Hoàng Hải Đăng, sinh ngày 28/7/2015. Cháu Đ đã ở với bà từ năm 2018. Trường hợp Tòa án cho chị N và anh H1 ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H1 được nuôi con chung.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Đình H1 đều vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin vắng mặt của chị N, chị vẫn giữ nguyên lời khai như tại bản tự khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Hoàng Đình H1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227 và Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Đình H1 xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và Đk ký kết hôn tại UBND phường BL, quận ĐS, thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 3 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Hải Đăng, sinh ngày 28/7/2015 cho anh H1 nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị N xin tự giải quyết với anh H1 nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị N xin tự giải quyết với anh H1, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N hiện nay đang sinh sống tại Hải Phòng, bị đơn anh Hoàng Đình H1 đang sinh sống ở Đài Loan, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Đình H1 đều vắng mặt, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Đình H1: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Hoàng Đình H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Đình H1 xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và Đk ký kết hôn tại UBND phường BL, quận ĐS, thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 3 năm 2014 theo quy định tại Điều 9, Điều 10 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên nghiêm trọng, khoảng tháng 8 năm 2018 anh chị sống ly thân. Đến tháng 4 năm 2019, anh H1 đi lao động, làm ăn ở Đài Loan và anh chị không liên lạc với nhau. Chính vì sự xa cách về địa lý nên vợ chồng tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không

đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Đình H1 có một con chung là: Hoàng Hải Đăng, sinh ngày 28/7/2015. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù anh H1 ở nước ngoài nhưng hiện tại con chung đang ở với mẹ anh H1 từ năm 2018 cho đến nay, con chung vẫn được chăm sóc tốt. Mặt khác, chị N và mẹ anh H1 đều đề nghị để cho anh H1 được nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần giao con chung cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N xin tự giải quyết với anh H1 nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị N xin tự giải quyết với anh Hoàng Đình H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Đình H1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Hoàng Đình H1.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Hải Đăng, sinh ngày 28/7/2015 cho anh Hoàng Đình H1 nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết, chị xin tự giải quyết với anh H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị N xin tự giải quyết với anh Hoàng Đình H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0008270 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Hoàng Đình H1 (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Chị Nguyễn Thị N (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường BL, quận ĐS, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

